

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại TM Việt Nam  
Địa chỉ: Số 42A, Đường số 4A, P.Tân Hưng, Q.7, TP.HCM  
Mã số thuế: 0313314036

Trả lời văn bản số 010816/TM-CV ngày 15/8/2016 của Công ty về chính sách thuế; Cục Thuế TP có ý kiến như sau:

Căn cứ Khoản 2 Điều 3 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội khóa XIII:

“Dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định.”

Căn cứ Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế (có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2016) sửa đổi, bổ sung Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT đã được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ như sau:

“Điều 10. Hoàn thuế giá trị gia tăng

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

2. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau:

a) Cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động, nếu thời gian đầu tư từ 01 năm trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho đầu tư theo từng năm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này. Trường hợp, nếu số thuế giá trị gia tăng lũy kế của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

...”

Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

“Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác.

Cơ sở kinh doanh khi nhận khoản tiền thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ nhận được, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác thì lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chỉ tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.

Trường hợp ~~bồi thường bằng hàng hoá~~, dịch vụ, cơ sở bồi thường phải lập hoá đơn và kê khai, ~~tiền~~ nộp thuế GTGT như đối với bán hàng hoá, dịch vụ; cơ sở nhận bồi thường kê khai, khấu trừ theo quy định.

Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận tiền của tổ chức, cá nhân để thực hiện dịch vụ cho tổ chức, cá nhân như sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo thì phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

...”

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014, (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) như sau:

“Điều 6. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế

“1. Trừ các khoản chi không được trừ nêu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

c) Khoản chi nếu có hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

...”


Căn cứ các quy định trên:


1. Trường hợp Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411043002870 do Ủy ban Nhân dân TP.HCM cấp lần đầu ngày 15/6/2015 kê khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, đã đi vào hoạt động kinh doanh (đã phát sinh doanh thu, thuế GTGT đầu ra) nên không thuộc trường hợp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư. Từ ngày 01/7/2016, trường hợp Công ty có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng (đối với trường

hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì Công ty được kê khai khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

2. Trường hợp Công ty chi hỗ trợ cho đại lý, siêu thị các khoản như: hỗ trợ thẻ hội viên, hỗ trợ thẻ các bà mẹ, hỗ trợ hàng không thể hoàn trả nếu có quy định cụ thể trên hợp đồng thì Công ty căn cứ vào hợp đồng, chứng từ chi tiền cho đại lý, siêu thị để tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Riêng khoản ~~hỗ trợ quảng cáo~~ quý cho các đại lý, siêu thị thì đại lý, siêu thị phải lập hoá đơn kê khai nộp thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định. Căn cứ vào hoá đơn do đại lý, siêu thị xuất giao Công ty tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Cục Thuế TP thông báo Công ty biết để thực hiện theo đúng quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã được trích dẫn tại văn bản này. 

Nơi nhận 

- Như trên;
  - P.KT2;
  - P.PC;
  - Lưu VT; TTHT.
- 1913\_19271151 Chung  
152154



Trần Thị Lệ Nga